

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 159/2021/HSPT
Ngày 24-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình.

2. Ông Nguyễn Duy Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2021/HSPT ngày 18/5/2021, đối với bị cáo Trần Văn Đ. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 107/2021/HSST ngày 07/4/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **TRẦN VĂN Đ**; sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn 17, Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1966 và con bà Võ Thị Đ2, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là bà Đào Minh D, sinh năm 1996, có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà Trương Thị Minh T, sinh năm 1970 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bà Thảo: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1964 (Là chồng bà T); địa chỉ: 213 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1995 (Đã chết)

Người đại diện hợp pháp của chị H: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1995 (Là chồng chị H), địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 26/7/2020, Trần Văn Đ, điều khiển xe ô tô, loại 05 chỗ ngồi nhãn hiệu: BAIC, biển số 47A – 315.78, lưu thông trên đường P, thành phố B theo hướng đi từ vòng xuyến Km 5, thành phố B đến huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đ điều khiển xe ô tô đi tại làn đường bên ngoài (gần dải phân cách) đèn chiếu sáng phía trước xe ô tô biển số 47A – 315.78 ở chế độ mở (bật sáng). Lúc này mặt đường khô ráo, mật độ phương tiện lưu thông tại phần đường theo hướng đi của xe do Đ điều khiển vắng. Đ điều khiển xe ô tô với tốc độ 78 km/h (Theo kết quả của Camera hành trình ghi được). Khi đi đến đoạn đường trước trụ điện số 71 đường P, cùng lúc này phía trước cùng chiều theo hướng đi của xe do Đ điều khiển, chị Nguyễn Thị Thanh H điều khiển xe mô tô, phía sau chở mẹ ruột là bà Trương Thị Minh T đang dừng xe tại đầu đoạn hờ của dải phân cách chờ các phương tiện lưu thông chiều ngược lại đi qua để chuyển hướng sang đường.

Do thiếu chú ý quan sát và không làm chủ được tốc độ nên Đ đã không kịp xử lý và để phía trước xe ô tô biển số 47A – 315.78 tông trực diện vào phía sau, bên trái xe mô tô. Hậu quả chị Nguyễn Thị Thanh H, bà Trương Thị Minh T bị thương nặng. Sau khi tai nạn xảy ra Đ đã cùng người nhà của chị Nguyễn Thị Thanh H, bà Trương Thị Minh T đưa chị H, bà T đi cấp cứu. Tuy nhiên, cả hai tử vong trên đường đưa đi cấp cứu.

Vị trí va chạm giữa xe ô tô biển số 47A – 315.78 với xe Mô tô biển số 47B2 – 032.12 được xác định tương ứng trên mặt đường P thành phố B, cách mép đường chuẩn là 8,35m, cách điểm đầu vết cày xước 3 là 1,90m và cách mốc cố định là 45,70m. Kết quả đo nồng độ cồn đối với Trần Văn Đ, thể hiện 0.000mg/l.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 273/TTh-TTPY ngày 04/9/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận nguyên nhân tử vong của bà Trương Thị Minh T là: Ngưng hô hấp, tuần hoàn do Choáng chấn thương do Chấn thương sọ não – chấn thương cột sống cổ/ Nhiều chấn thương nặng khác do tai nạn giao thông.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 274/TTh-TTPY ngày 04/9/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận nguyên nhân tử vong của chị Nguyễn Thị Thanh H là: Ngưng hô hấp, tuần hoàn do Choáng chấn thương do Chấn thương sọ não – chấn thương cột sống cổ/ Nhiều chấn thương nặng khác do tai nạn giao thông.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2021/HSST ngày 07/4/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20/4/2021, bị cáo **Trần Văn Đ** kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường đầy đủ thiệt hại cho đại diện người bị hại và được đại diện người bị hại làm đơn bãi nại và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét vụ tai nạn xảy ra có một phần lỗi của người bị hại khi dừng xe không đúng quy định nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có lý lịch rõ ràng, có nơi ở ổn định. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt tù. Giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào lúc 21 giờ 40 phút, ngày 26/7/2020, tại đường P, thuộc tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, Đắk Lắk, Trần Văn Đ điều khiển xe ô tô biển số 47A-315.78 lưu thông trên đường P do thiếu chú ý quan sát và không làm chủ được tốc độ nên đã để xe ô tô va chạm với xe mô tô biển số 47B2-032.12 do chị Nguyễn Thị Thanh H điều khiển, phía sau chở bà Trương Thị Minh T đang dừng chờ sang đường. Hậu quả làm chị H, bà T bị thương nặng và cả hai tử vong trên đường đi cấp cứu. Hành vi của Trần Văn Đ đã vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8; khoản 4 Điều 11, Điều 24 Luật giao thông đường bộ. Khi điều khiển xe Trần Văn Đ đã có giấy phép lái xe ô tô hạng B2 theo quy định. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét mức hình phạt 03 (Ba) năm tù mà bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Trần Văn Đ là thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc cách ly bị

cáo ra ngoài đời sống xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường đầy đủ thiệt hại cho đại diện người bị hại và được đại diện người bị hại làm đơn bãi nại và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy, qua xem xét biên bản hiện trường và thẻ nhớ chứa File ghi hình ảnh vụ tai nạn xác định có một phần lỗi của người bị hại: Bị hại dừng xe trên vạch qua đường dành cho người đi bộ vi phạm điểm đ khoản 4 Điều 18 Luật giao thông đường bộ “4. *Người điều khiển phương tiện không được dừng xe, đỗ xe tại các vị trí sau đây: ...đ) Trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường*”; Dừng xe trên làn đường dành cho ô tô chạy vi phạm khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ “3. *Chỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi quy định; trường hợp buộc phải dừng xe, đỗ xe không đúng nơi quy định thì người lái xe phải đưa xe ra khỏi phần đường xe chạy, nếu không thể được thì phải báo hiệu để các lái xe khác biết*”. Nên cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt tù. Giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 - Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 107/2021/HSST ngày 07/4/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 03 (Ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp

hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp. B;
- T.H.A hình sự Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr